

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 02-02-2018.

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng cầm cố quyền sử dụng đất và
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc.

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2016/TLST-DS, ngày 31/10/2016, về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXXST-DS ngày 11/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-DS ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú L, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: 358A/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* - Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: 360/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: 323/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Phước L, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 349A/6 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Thu N, sinh năm 1962. (có mặt).

Địa chỉ: 435/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Bạch T, sinh năm 1967. (có mặt).

Địa chỉ: 381A/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: 144B/5 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1974.(có mặt).

Địa chỉ: 360/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ T.P- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Phan Kim O, sinh năm 1958

- Nguyễn Kinh L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 358A/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho Phan Kim O, Nguyễn Kinh L là ông Nguyễn Phú L, sinh năm 1957. Địa chỉ: 358A/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Lê Thị N, sinh năm 1960. (vắng mặt)

- Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

- Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

- Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 399/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H.H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Khu dân cư ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. Chức vụ: Giám đốc QTD H. (theo giấy ủy quyền ngày 28/8/2017). (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

-Anh Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 120A, K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Chị Võ Thị G, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà 120A, K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho Võ Thị G là: Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 120A, K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng:

Hồ Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trần Quốc T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 55/3 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2016, văn bản ý kiến ngày 02/02/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Kim L, ông Nguyễn Kinh L là ông Nguyễn Phú L trình bày:

Trước đó vào năm 1992 ông L có cổ đất của bà Đoàn Thị Mỹ L 1300m² với giá 02 chỉ vàng 24 kra sau đó không có tiền chuộc nên vào ngày 01/5/1994 Nguyễn Phú L có làm giấy tay tựa “Tờ sang nhượng đất nông nghiệp” lập ngày 01/5/1994 để mua của bà Đoàn Thị Mỹ L 1300m² đất ruộng một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với giá 10 chỉ vàng 24 kara ông L đưa thêm cho bà L 08 chỉ vàng 24 kara nữa việc giao vàng này có ông Trần Quốc T và ông Trần Quốc T làm chứng, hiện nay ông T đã mất. Và thực tế ông L đã canh tác phần đất này từ năm 1994 đến năm 1996 ông L cho bà N thuê lại. Trong tờ sang nhượng đất nông nghiệp này do ông L viết và bà L ký tên bằng dấu gạch thập “+”. Ngoài ra có ông Đ ký và viết trong tờ sang nhượng này. Do lúc bán đất cho ông L bà L còn nợ Nhà nước nên bà L năn nỉ chờ một thời gian mới sang tên, sau đó con bà L cầm giấy chứng nhận QSD đất để thế chấp Ngân hàng nên không sang tên được.

Năm 2008 bà L chết con bà L là Nguyễn Thanh T đứng tên chủ quyền thửa đất nêu trên, ông L nhiều lần yêu cầu ông T sang tên phần đất bà L đã bán cho ông L nhưng ông T không đồng ý, nói là bà L chỉ cầm cố không phải bán và nói khi nào có vàng chuộc lại. Vụ việc này ông L đã nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Ông Nguyễn Phú L yêu cầu các hàng thừa kế của bà L là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thu N, Nguyễn Bạch T, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Hữu Đ liên đới có trách nhiệm thực hiện tiếp hợp đồng là chuyển nhượng cho ông L đúng theo đo đạc thực tế của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 05/4/2017 là 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích 1272m² ông L đang cho bà Lê Thị N thuê lại với giá 10 chỉ vàng 24kra. Thời hạn thuê từ năm 1996 đến 1998 là hết hạn nhưng do thửa 3094 này phần còn lại ông T cũng cho bà N thuê nên ông L để cho bà N thuê luôn đến nay. Nay ông L không yêu cầu gì đối với bà N.

Ông L thống nhất lấy kết quả đo đạc ngày 05/4/2017 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và kết quả định giá ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông L không yêu cầu gì đối với Quỹ tín dụng nhân dân H.

Trong văn bản ý kiến ngày 02/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Phú L thay đổi yêu cầu ông L thống nhất giao dịch trước đây giữa ông L và bà Đoàn Thị Cẩm L lập ngày 01/5/1994 là cầm cố quyền sử dụng đất. Nay ông L đồng ý cho con bà L là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ liên đới chuộc lại diện tích cầm cố trước đây theo đo đạc thực tế là 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 với giá là 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 quy ra thành tiền là 38.000.000đồng, ông L không yêu cầu lãi và ông L đồng ý trả lại đất cho ông T. Ông T không yêu cầu các con của bà L là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Phước L, Nguyễn Thu N, Nguyễn Bạch T, Nguyễn Ngọc Đ cùng liên đới với anh Đ, anh T chuộc lại đất như trên.

- Theo các Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh T cho rằng anh T không biết việc mua bán đất giữa ông L với mẹ ông là bà L, lúc mẹ ông T còn sống chỉ nghe nói là có cầm cố cho ông L với giá 10 chỉ vàng 24kra. Ông T không có ký tên vào tờ sang nhượng đất nông nghiệp lập năm 1994. Lúc bà L còn sống đã chuyển sang cho ông T đứng tên phần đất tranh chấp này năm 2008. Phần đất tranh chấp hiện nay ông L đang quản lý sử dụng và cho bà N thuê. Nay ông L đồng ý để cho ông T chuộc lại đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 với giá là 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 quy ra thành tiền là 38.000.000đồng, ông L không yêu cầu lãi và ông L đồng ý trả lại đất cho ông T. Ông T đồng ý với yêu cầu của ông L.

Đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân H anh T đồng ý theo yêu cầu của Quỹ Tín dụng nhân dân H vì trước đây anh T có nhờ anh Nh chị G đứng ra vay dùm anh T số tiền là 49.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 1560/15-HĐTD ngày 18/11/2015 và anh T là người đứng làm hợp đồng bảo lãnh để bảo lãnh khoản vay trên người đồng sở hữu với anh T là Nguyễn Ngọc Đ. Anh T thừa nhận có viết cam đoan ngày 18/11/2015. Nay quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu anh T trả số tiền vay vốn 49.000.000đ, lãi 10.706.000đ (tạm tính đến ngày 30/5/2017). Cộng chung vốn, lãi là 59.706.000đồng. Anh T tự nguyện đứng ra trả số tiền vốn và lãi trên. Anh Nguyễn Thanh T đồng ý nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 056980, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01764 đứng tên Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/6/2008.

Anh T không yêu cầu gì đối với bà Lê Thị N cùng các con của bà N trong vụ án này.

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2017 các biên bản hòa giải và đơn xin thay

đôi ý kiến ngày 02/02/2018 người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 18/11/2015, anh Huỳnh Ngọc Nh có vay tiền 49.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân H theo Hợp đồng số 1560/15-HĐTD, mục đích vay là để mua bán Xoài, lãi suất tại thời điểm vay là 01%/tháng, phương thức trả cuối kỳ, lãi suất nợ quá hạn là 1,50%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 18/11/2015 cho đến ngày 18/11/2016), tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM056980 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 67/15/HĐTC-BL ngày 17/11/2015, người đồng sở hữu tài sản thế chấp là chị Nguyễn Ngọc Đ. Quỹ Tín dụng nhân dân H không yêu cầu gì đối với chị Đ. Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Nh, bà G vẫn không trả tiền vay nhưng do các bên tự thỏa thuận với nhau về việc ai là người trả tiền giữa bên cho vay, bên vay và bên thế chấp bảo lãnh nên Quỹ tín dụng nhân dân HL chỉ yêu cầu Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân HL số tiền vốn gốc nợ vay là 49.000.000 đồng, lãi suất 10.706.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2017 (trong đó lãi trong hạn từ ngày 18/11/2015 đến 18/11/2016 là 5.978.000 đồng; lãi quá hạn từ ngày 19/11/2016 đến 31/5/2017 là 4.728.000 đồng). Tổng cộng là 59.706.000 đồng. Sau khi ông T trả nợ xong Quỹ tín dụng nhân dân H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 056980, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01764 đứng tên Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/6/2008. Quỹ Tín dụng nhân dân H rút yêu cầu đối với anh Huỳnh Ngọc N và chị Võ Thị G. Ngoài ra, Quỹ tín dụng nhân dân H không có yêu cầu gì khác. Quỹ tín dụng nhân dân H không yêu cầu gì đối với những người liên quan khác trong vụ án này.

- Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Đ cho rằng anh không biết việc mua bán đất giữa ông L và bà L lúc còn sống mà anh Đ chỉ biết lúc còn sống có nghe nói bà L có cổ đất cho ông L diện tích không biết với giá 10 chỉ vàng 24 kra. Anh Đ thừa nhận anh Đ có ký và viết trong tờ sang nhượng đất nông nghiệp lập năm 1994 cụ thể là anh ký và viết tên Nguyễn Hữu Đ, và ký và viết thay Nguyễn Thanh T và Đoàn Thị Mỹ L và ký tên Mỹ L, lúc ký anh Đ không thấy chữ gạch thập “+” trong tờ sang nhượng này nên việc ông L trình bày bà L ký tên bằng dấu gạch thập là anh Đ không đồng ý. Lúc ông L đưa cho anh Đ ký trong tờ sang nhượng này anh Đ nghĩ đó là giấy cầm cố tay hai có nghĩa là ông L thuê đất của bà L sau đó cho bà N thuê lại. Nay ông L yêu cầu anh Đ cùng anh T chuộc lại đất theo đo đạc thực tế là 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 với giá là 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 quy ra thành tiền là 38.000.000 đồng, ông L không yêu cầu lãi và ông L đồng ý trả lại đất cho anh T. Anh Đ đồng ý theo yêu cầu của ông L. Ngoài ra anh Đ không có yêu cầu gì và yêu cầu ai khác trong vụ án này.

- Tại các lời khai trong quá trình tố tụng và tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Vào ngày 17/8/1996 bà N có cổ đất của ông L một công tầm lớn theo đo đạc thực tế 1272m² với giá là 10 chỉ vàng 24k thời hạn cổ là từ năm 1996 đến năm 1998 nhưng anh L không có tiền chuộc lại nên bà N canh tác từ đó đến nay. Ngoài phần đất bà N thuê của ông L mà hiện nay đang tranh chấp với ông T thì bà N có thuê của ông T khoảng 600m² thuộc một phần của thửa đất số 3094 tờ bản đồ số 3 với giá thuê là 06 chỉ vàng 24k. Nay phát sinh tranh chấp giữa ông T và ông L và thửa đất này cũng được ông T đem bảo lãnh thế chấp để vay Quỹ tín dụng nhân dân H. Bà N không có yêu cầu ai và yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà N, ông T, ông L, Quỹ tín dụng nhân dân H có phát sinh tranh chấp thì bà N sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bà N thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện L ngày 05/4/2017 và kết quả đo đạc của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L ngày 05/4/2017.

Diện tích đất bà N thuê của ông L, ông T chỉ có bà N sử dụng canh tác, các con của bà N đi làm ăn xa không cùng bà N canh tác đất này.

- Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bạch T, Nguyễn Thu N, Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T không ý kiến gì thêm.

- Lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước L, Nguyễn Ngọc C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T không ý kiến gì thêm.

Trong Công văn số 124/UBND-TNMT ngày 01/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp trả lời: Thửa số 3094, tờ bản đồ số 3 diện tích 4.750m² đất trồng lúa, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh T là do anh T nhận tặng, cho quyền sử dụng đất từ hộ bà Đoàn Thị Mỹ L. Thửa đất số 3094, tờ bản đồ địa chính số 3 được đính chính do sai sót số từ thửa đất số 2275 và cấp lần đầu cho hộ bà Đoàn Thị Mỹ L. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3094, tờ bản đồ số 3 cấp theo bản đồ 299 không có đo đạc thực tế. Ủy ban nhân dân huyện L xin vắng mặt tham gia tố tụng và ngày xét xử tại Công văn số: 28/UBND-NC ngày 01/02/2018.

- Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Ngọc N và cũng là người đại diện theo ủy quyền của Võ Thị G trình bày: Do chỗ quen biết với anh T nên vào ngày 18 tháng 11 năm 2015 anh N và chị G có đứng ra làm hợp đồng tín dụng số 1560/15HĐTD vay của Quỹ tín dụng nhân dân H vốn 49.000.000đ. Lý do là vì anh T không có hộ khẩu ở H mà ở L nên không thể đứng ra làm hợp đồng để vay của Quỹ tín dụng nhân dân H được nên anh N đứng ra làm hợp đồng vay. Anh T đứng ra làm hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của anh T là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 3094 tờ bản đồ số 03 đứng tên Nguyễn Thanh T. Sau đó anh T có làm giấy

cam đoan ngày 18/11/2015 về việc trách nhiệm trả tiền vay vốn và trả lãi cho quỹ tín dụng nhân dân H là anh T đứng ra trả. Do đó thật chất số tiền này anh N chị G không có vay và nhận tiền mà chỉ đứng ra vay dùm anh T. Nay anh T tự nguyện đứng ra trả số tiền vay là 49.000.000đ, lãi là 10.706.000đ (tạm tính đến ngày 30/5/2017) và Quỹ Tín dụng nhân dân H cũng chỉ yêu cầu anh T trả số tiền trên anh Nh, chị G không có ý kiến gì và đồng ý theo yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân H.

- Đối với Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Trọng T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Trọng T vẫn cố tình vắng mặt và không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2017 người làm chứng Trần Quốc T khai vào năm 1994 ông T có chứng kiến việc ông L và bà L làm giấy tay chuyển nhượng đất nông nghiệp, trong tờ chuyển nhượng có bà L, ông Đ con bà L ông L ký tên và ông T và ông T ký tên với tư cách là người làm chứng, bà L bán cho ông L 01 công tầm lớn khoảng 1300m² với giá 10 chỉ vàng 24k. do trước đó bà L có cổ đất diện tích 10 công tầm lớn với giá 02 chỉ vàng 24k, nên bà L đưa thêm 08 chỉ vàng nữa là đủ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2017 người làm chứng Hồ Thị N khai: Hồ Thị N có chứng kiến ngày mà bà L và ông L làm giấy tay mua bán đất, không nhớ cụ thể năm nào. Trước đây bà L có cổ cho ông L 01 công đất với giá 02 chỉ vàng 24k nhưng sau đó bà L không có tiền chuộc lại đất nên bán luôn 01 công đất ruộng lại cho ông L giá 10 chỉ vàng 24k. Ông L đã nhận đất và bên bà L đã giao vàng đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu: Đối với vụ án này từ giai đoạn thụ lý cho đến giai đoạn xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử được qui định tại khoản 1 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phú L và bà Đoàn Thị Mỹ L ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Hữu Đ mà bà L lúc còn sống lập để giao dịch với nguyên đơn Nguyễn Phú L năm 1994 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Phú L 38.000.000đ. Buộc ông Nguyễn Phú L bà Lê Thị N liên đới trả lại cho ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1272m² thuộc một phần của thửa đất số 3094 tờ bản đồ số 3 đứng tên Nguyễn Thanh T. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh T về phần tiền vay đối với Quỹ tín dụng nhân dân H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đại diện theo pháp luật là ông Hồ T.P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Phước L, Lê Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Trọng T; người làm chứng Trần Quốc T, Hồ Thị Nh những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có tên nêu trên.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy, bị đơn Nguyễn Thanh T có địa chỉ cư trú tại số nhà 360/1 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Và đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Diện tích đất LUA mà hộ ông Nguyễn Phú L tranh chấp với anh Nguyễn Thanh T đã được xác định theo kết quả thẩm định đo đạc ngày 05/4/2017 diện tích tranh chấp là 1272m² thuộc thửa đất số 3094, tờ bản đồ số (BĐ 299). Quyền sử dụng anh Nguyễn Thanh T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/6/2008.

Vào năm 1994 ông L có làm giấy tay “Tờ sang nhượng đất nông nghiệp” lập ngày 01/5/1994 để sang nhượng của bà L diện tích một công tằm lớn theo đo đạc thực tế ngày 05/4/2017 là 1272m² với giá là 10 chỉ vàng 24k vàng 9999. Ông L đã nhận đất và giao vàng xong. Trong tờ sang nhượng có bà L ký bằng dấu gạch “+” có anh Nguyễn Hữu Đ con của bà L ký tên và viết tên anh Đ và ký thay và viết tên anh Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa ông L đồng ý yêu cầu cho con bà L là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ liên đới chuộc lại diện tích cầm cố trước đây theo đo đạc thực tế là 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 với giá là 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 quy ra thành tiền là 38.000.000 đồng, ông L không yêu cầu lãi và ông L đồng ý trả lại đất cho anh T. Yêu cầu này của ông L được anh T, anh Đ đồng ý. Do đo xác định văn bản được ông L, bà L lập ngày 01/5/1994 đây là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất. Mà theo Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất, có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho

quyền sử dụng đất, quyền thế chấp... chứ không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất nên giao dịch cầm cố đất giữa ông Nguyễn Phú L, bà Đoàn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch là giao dịch dân sự vô hiệu, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên không được pháp luật công nhận bảo vệ tại thời điểm ký kết hợp đồng. Nên các bên phải chấm dứt thực hiện giao dịch và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do hai bên không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Đối với diện tích cầm cố 1272m² thuộc một phần của thửa đất số 3094 tờ bản đồ số 3 theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 05/4/2017, mục đích sử dụng là đất lúa, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp mà ông L nhận canh tác trước đây đã cho bà N thuê lại và hiện nay bà N đang canh tác do đó cần buộc ông L cùng bà N liên đới trả đất lại cho anh T. Còn đối với yêu cầu của bà N thì ngoài phần đất đang tranh chấp giữa ông L, anh T diện tích là 1272m² bà N thuê của anh T diện tích khoảng 600m² cũng thuộc một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3 và thửa đất này đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân H, bà N có ý kiến không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông L, anh T, Quỹ tín dụng nhân dân H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án. Nếu sau này bà N có tranh chấp và yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Do đó Hội đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ông Nguyễn Phú L, anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ thống nhất quy 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 là 38.000.000 đồng để anh T, anh Đ giao lại cho ông L và ông L đồng ý nhận 38.000.000 đồng quy ra từ 10 chỉ vàng trên.

Ông Nguyễn Phú L không yêu cầu gì đối với bà Lê Thị N, Quỹ tín dụng nhân dân H các con của bà L là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Phước L, Nguyễn Thu N, Nguyễn Bạch T, Nguyễn Ngọc Đ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các con của bà L là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Phước L, Nguyễn Thu N, Nguyễn Bạch T, Nguyễn Ngọc Đ thống nhất với ý kiến của ông L, anh T không có yêu cầu hay tranh chấp gì. Do đó Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho quỹ tín dụng nhân dân H vốn vay là 49.000.000 đồng, lãi 10.706.000 đồng (tạm tính đến ngày 30/5/2017). Cộng chung vốn lãi là 59.706.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 17/11/2015. Quỹ tín dụng nhân dân H không yêu cầu anh Huỳnh Ngọc N cùng chị Võ Thị G liên đới trả số tiền trên.

Yêu cầu trên của quỹ tín dụng nhân dân H được anh Nguyễn Thanh T, anh Huỳnh Ngọc N và chị Võ Thị G đồng ý. Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện có nghĩa vụ trả cho quỹ tín dụng nhân dân H vốn 49.000.000 đồng, lãi 10.706.000 đồng (tạm tính đến ngày 30/5/2017). Cộng chung vốn lãi là 59.706.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 17/11/2015. Anh Nguyễn Thanh T

đồng ý nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 056980, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01764 đứng tên Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/6/2008.

Xét việc thay đổi yêu cầu của quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu anh Nguyễn Thanh T, rút yêu cầu đối với anh Huỳnh Ngọc N chị Võ Thị G và sự tự nguyện trả tiền cho quỹ tín dụng nhân dân H của anh Nguyễn Thanh T là có căn cứ và hợp pháp. Bởi lẽ trước đây Quỹ tín dụng nhân dân H với anh Huỳnh Ngọc N và chị Võ Thị G có làm hợp đồng tín dụng số 65/15/HĐ-TD ngày 17/11/2015 cho anh N, chị G vay số tiền là 49.000.000 đồng, còn anh T là người đứng ra bảo lãnh bằng tài sản của anh T là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 3094 tờ bản đồ số 3 đứng tên Nguyễn Thanh T. Nhưng thật chất anh N, chị G chỉ là người vay dùm còn anh T là người nhận tiền. Và giữa quỹ tín dụng nhân dân H, anh Huỳnh Ngọc N, chị Võ Thị G; anh Nguyễn Thanh T thống nhất yêu cầu để anh Nguyễn Thanh T đứng ra trả nợ cho quỹ tín dụng nhân dân H đều này thỏa mãn theo Điều 370, Điều 375, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó anh Nguyễn Thanh T tự nguyện có nghĩa vụ trả cho quỹ tín dụng nhân dân H vốn 49.000.000 đồng, lãi 10.706.000 đồng (tạm tính đến ngày 30/5/2017). Cộng chung vốn lãi là 59.706.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 17/11/2015. Xét sự tự nguyện giữa các bên là hoàn toàn đúng pháp luật và không trái đạo đức và pháp luật nên chấp nhận.

Quỹ tín dụng nhân dân H không yêu cầu đối với ông Nguyễn Phú L, bà Lê Thị N cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các con của bà N là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Trọng T theo lời khai của bà N các con của bà N không có trực tiếp sử dụng phần đất mà bà N thuê của ông L và ông T mà chỉ có bà N sử dụng. Do đó Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Trọng T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này. Hơn nữa kể từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng những người này không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản phản bác ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét về lời khai của người làm chứng là Hồ Thị N và Trần Quốc T do ông Nguyễn Phú L và bị đơn Nguyễn Thanh T, thống nhất đây là quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không phân tích gì thêm lời khai của người làm chứng.

Về chi phí thẩm định, định giá: Do nguyên đơn Nguyễn Phú L và bị đơn Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ đã tự thỏa thuận được với nhau nên phần chi phí về thẩm định, định giá nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa theo Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Phú L chỉ yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng là ông L trả đất anh T, anh Đ trả tiền nên ông L, anh T, anh Đ không phải chịu về án phí về hợp đồng vô hiệu mà chỉ chịu án phí về giá trị của tài sản tính theo có giá ngạch. Hơn nữa ông Nguyễn Phú L với anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện thỏa thuận về án phí mỗi bên chịu một nửa về phần án phí đối với tiền cổ đất 38.000.000 đồng.

Do anh Nguyễn Thanh T tự nguyện có nghĩa vụ trả tiền vốn vay cho Quỹ tín dụng nhân dân H nên anh T phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Tại phần tranh luận, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Đối với vụ án này từ giai đoạn thụ lý cho đến giai đoạn xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử được qui định tại khoản 1 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Phú L và bà Đoàn Thị Mỹ L anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ mà bà L lúc còn sống lập để giao dịch với nguyên đơn Nguyễn Phú L là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Phú L 38.000.000 đồng. buộc ông Nguyễn Phú L bà Lê Thị N liên đới trả lại cho anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1272m² thuộc một phần của thửa đất số 3094 tờ bản đồ số 3 đứng tên Nguyễn Thanh T. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh T về phần tiền vay đối với quỹ tín dụng nhân dân H. Phát biểu của Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 131, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167, khoản 2 Điều 170, khoản 3 Điều 188 và Điều 195 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất diện tích 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, mục đích trồng lúa đứng tên là ông Nguyễn Thanh T, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo đo đạc thực tế của Văn phòng

đăng ký quyền sử dụng đất do vẽ ngày 05/4/2017 mà bà Đoàn Thị Mỹ L cùng anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ là bên cho có đất với ông Nguyễn Phú L bên nhận có đất lập vào ngày 01/5/1994 là vô hiệu.

- Buộc anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phú L số tiền có đất là 38.000.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Phú L, bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, mục đích trồng lúa đứng tên là ông Nguyễn Thanh T, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất do vẽ ngày 05/4/2017 cho anh Nguyễn Thanh T (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền 38.000.000đồng thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa Quỹ tín dụng nhân dân H, anh Huỳnh Ngọc N, chị Võ Thị G và anh Nguyễn Thanh T.

- Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H vốn 49.000.000 đồng, lãi 10.706.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2017. Tổng cộng là 59.706.000 đồng. (Năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng)

- Đối với số tiền vốn vay 49.000.000 đồng sẽ được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 31/5/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 65/15/HĐ-TD ngày 17/11/2015 cho đến khi anh Nguyễn Thanh T trả nợ xong.

- Khi anh Nguyễn Thanh T trả nợ xong thì buộc Quỹ tín dụng nhân dân H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 056980, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01764 đứng tên Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/6/2008.

3. Án phí và chi phí:

- + Ông Nguyễn Phú L tự nguyện có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ 2.437.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05971 ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Phú L được nhận lại 1.487.500 đồng.

- + Anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện có nghĩa vụ liên đới chịu 950.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có đất là 38.000.000đ.(Anh T, anh Đ chưa thực hiện).

- + Ông Nguyễn Phú L tự nguyện chịu 1.538.000đ (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. (Nguyễn Phú L đã nộp xong).

+ Anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Hữu Đ phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Nguyễn Phú L 1.538.000 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

+ Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện có nghĩa vụ chịu 2.985.300 đồng (hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân H là 59.706.000 đồng.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/02/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/02/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Vung, ngày 02 tháng 02 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 02 tháng 02 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Chí Công.

2/ Ông: Nguyễn Phát Triển.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 195/2016/TLST-DS, ngày 13/10/2016, về “Tranh chấp dân sự về đòi lại quyền sử dụng đất” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Phú Lục, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: 358A/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: - Nguyễn Thanh Tòng, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: 360/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Nguyễn Ngọc Côn, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: 323/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Phước Lộc, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: 349A/6 ấp Tân Mỹ, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Thu Nga, sinh năm 1962. (có mặt).

Địa chỉ: 435/1 ấp Long Thành, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Bạch Tuyết, sinh năm 1967. (có mặt).

Địa chỉ: 381A/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Ngọc Diệp, sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: 144B/5 ấp Long Hòa, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Hữu Đức, sinh năm 1974.(có mặt).

Địa chỉ: 360/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh Phương- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Phan Kim Oanh, sinh năm 1958

- Nguyễn Kinh Luân, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 358A/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho Phan Kim Oanh, Nguyễn Kinh Luân là ông Nguyễn Phú Lục, sinh năm 1957. Địa chỉ: 358A/1 ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Lê Thị Nêu, sinh năm 1960. (vắng mặt)

- Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1983; (vắng mặt)

- Nguyễn Thị Bé Thi, sinh năm 1985; (vắng mặt)

- Nguyễn Trọng Trí, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 399/1 ấp Long Thành, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy Hiệp, chức vụ: Chủ tịch

Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Khu dân cư ấp Long Hội, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn Lành, sinh năm 1964. Chức vụ: Giám đốc QTD Hòa Long. (theo giấy ủy quyền ngày 28/8/2017). (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Long Định, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

-Anh Huỳnh Ngọc Nhưong, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 120A, Khóm 2, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Chị Võ Thị Gấm, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà 120A, Khóm 2, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho Võ Thị Gấm là: Huỳnh Ngọc Nhưong, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 120A, Khóm 2, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định củ pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 131, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167, khoản 2 Điều 170, khoản 3 Điều 188 và Điều 195 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất diện tích 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, mục đích trồng lúa đứng tên là ông Nguyễn Thanh Tòng, đất tọa lạc tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 mà bà Đoàn Thị Mỹ Lệ cùng anh Nguyễn Thanh Tòng, anh Nguyễn Hữu Đức là bên cho có đất với ông Nguyễn Phú Lục bên nhận có đất lập vào ngày 01/5/1994 là vô hiệu.

- Buộc anh Nguyễn Thanh Tòng, anh Nguyễn Hữu Đức có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phú Lục số tiền có đất là 38.000.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Phú Lục, bà Lê Thị Nêu có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích 1272m² một phần của thửa 3094 tờ bản đồ số 3, mục đích trồng lúa

đứng tên là ông Nguyễn Thanh Tòng, đất tọa lạc tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 05/4/2017 cho anh Nguyễn Thanh Tòng (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền 38.000.000 đồng thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Long, anh Huỳnh Ngọc Nhường, chị Võ Thị Gấm và anh Nguyễn Thanh Tòng.

- Anh Nguyễn Thanh Tòng tự nguyện có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Long vốn 49.000.000 đồng, lãi **10.706.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2017**. Tổng cộng là 59.706.000 đồng. (Năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng)

- Đối với số tiền vốn vay 49.000.000 đồng sẽ được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 31/5/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 65/15/HĐ-TD ngày 17/11/2015 cho đến khi anh Nguyễn Thanh Tòng trả nợ xong.

- Khi anh Nguyễn Thanh Tòng trả nợ xong thì buộc Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Long trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 056980, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01764 đứng tên Nguyễn Thanh Tòng được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp ngày 16/6/2008.

III- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

3. Án phí và chi phí:

+ Ông Nguyễn Phú Lục tự nguyện có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ 2.437.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05971 ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Phú Lục được nhận lại 1.487.500 đồng.

+ Anh Nguyễn Thanh Tòng, anh Nguyễn Hữu Đức tự nguyện có nghĩa vụ liên đới chịu 950.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền cổ đất là 38.000.000đ. (Anh Tòng, anh Đức chưa thực hiện).

+ Ông Nguyễn Phú Lục tự nguyện chịu 1.538.000đ (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. (Nguyễn Phú Lục đã nộp xong).

+ Anh Nguyễn Thanh Tòng, anh Nguyễn Hữu Đức phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Nguyễn Phú Lục 1.538.000 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

+ Anh Nguyễn Thanh Tòng tự nguyện có nghĩa vụ chịu 2.985.300 đồng (hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân Hòa Long là 59.706.000 đồng.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/02/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/02/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.... giờ...., phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quang Kim Cúc - Nguyễn Chí Công

Tô Thị Hoa Lư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Phước Hậu - Quang Kim Cúc

Tô Thị Hoa Lư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Công - Nguyễn Chí Công

Trương Phước Tự

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

1/

2/

Trương Phước Tự

Lai Vung, ngày 02 tháng 02 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 02 tháng 02 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà: Quang Kim Cúc.

2/ Ông: Nguyễn Chí Công.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 210/2016/TLST-DS, ngày 31/10/2016, về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn Hên, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà 469A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Văn Chí Hải, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà 469A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp; (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2015) (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn Thanh, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số nhà 464A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị Thủy, sinh năm 1964; (Có mặt)

2. Anh Trần Văn Chí Hải, sinh năm 1984; (Có mặt)

3. Chị Lê Hồng Nhị, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số nhà 469A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng Nhị: Anh Trần Văn Chí Hải, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà 469A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp; (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2017) (Có mặt).

4. Ông Trần Văn Phước, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 464/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị Nhiều, sinh năm 1954; (Có mặt).

6. Chị Trần Thị Trúc Ly, sinh năm 1983;
7. Chị Trần Thị Trúc Linh, sinh năm 1985;
8. Anh Lâm Tiên, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà 464A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

9. Bà Trần Thị Đậm, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 94/3, ấp Tân Thới, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

10. Bà Trần Thị Hồng, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 536/1, ấp Tân Bình, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Trần Thị Tiêm, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 391/1, ấp Tân Bình, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Trần Thị Cà, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 372/1, ấp Tân Bình, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Trần Văn Lá, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số nhà 347/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

14. Ông Trần Văn Nâu, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số nhà 33/2, ấp Định Tân, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

15. Bà Trần Thị Chính, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp Đông Hòa A, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Trúc Ly, Trần Thị Trúc Linh, Lâm Tiên, Trần Thị Đậm, Trần Thị Hồng, Trần Thị Tiêm, Trần Thị Cà, Trần Văn Lá, Trần Văn Nâu và Trần Thị Chính, Trần Văn Phước là: Ông Trần Văn Thạnh, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số nhà 464A/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, Đồng Tháp; (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2016, 10/01/2017, 06/10/2017, 09/10/2017 và 13/10/2017) (có mặt).

16. Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh Phương - Chức vụ: Chủ tịch; Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 5 Luật đất đai năm 1993 và sửa đổi bổ sung năm 1998, 2001 khoản 3 Điều 4 Luật đất đai năm 2003, khoản 9 Điều 3 luật đất đai năm 2014.; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn Hên.

Buộc hộ ông Trần Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Nhiều cùng các con Trần Thị Trúc Ly, Trần Thị Trúc Linh và Lâm Tiền phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng là mái che tạm bằng cao su sọc ngang 4m, dài 5m, nền gạch tàu và cây trồng có trên đất trả lại diện tích 73.1m² (trong phạm vi các mốc A, M5, M8, B quay về A) theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp) số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016) thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn Hên đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Thanh về việc yêu cầu được sử dụng diện tích 95.7m² loại đất CLN thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68.

Hộ ông Trần Văn Thanh được tiếp tục sử dụng diện tích 95.7m² (Chín mươi lăm phết bảy mét vuông) đất và vật, kiến trúc, các cây trồng trên đất (Trong phạm vi các mốc M3, M4, A, B quay về M3 theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp) số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016) thuộc một phần của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn Hên đứng tên quyền sử dụng đất.

(Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thuộc thửa 10, tờ bản đồ số 68, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Trần Văn Hên đứng tên quyền sử dụng đất có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp lập ngày 09/11/2016, biên bản định giá ngày 09/11/2016 của Hội đồng định giá huyện Lai Vung cùng sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp số 118/TĐBĐ đo vẽ ngày 09/11/2016 kèm theo bản án này).

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

*** Ân phí và chi phí:**

+ Hộ ông Trần Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Nhiều cùng các con là Trần Thị Trúc Ly, Trần Thị Trúc Linh, Lâm Tiền phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 329.000đ (Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) được khấu trừ 378.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 09715 ngày 22/02/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Thanh được nhận lại 49.000đ

+ Hộ ông Trần Văn Hên phải chịu 431.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05921 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Hên phải nộp thêm 231.000đ.

+ Ông Trần Văn Hên phải chịu 1.19.5000đ (Một triệu, một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. (Trần Văn Hên đã nộp xong).

+ Hộ ông Trần Văn Thanh bà Nguyễn Thị Nhiều cùng các con là Trần Thị Trúc Ly, Trần Thị Trúc Linh, Lâm Tiền phải liên đới trả cho Trần Văn Hên 1.19.5000đ (Một triệu, một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/02/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/02/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.... giờ...., phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lai Vung, ngày 14 tháng 06 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà: Quang Kim Cúc.

2/ Ông: Nguyễn Chí Công.

Vào lúc 09 giờ ngày 07/04/2016 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ kiện Hôn nhân gia đình “*Xin ly hôn và nuôi con*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Xương - SN: 1968, trú tại: 153A, ấp An Bình, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Lê Nhựt Long - SN: 1963; trú tại: 817, ấp Long Khánh A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Qua biểu quyết

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 131; Điều 129; Điều 199 BLTTDS; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Trần Thị Xương và anh Lê Nhựt Long là vợ chồng.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

- Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

III- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

* Án phí và tạm ứng án phí:

- Nguyên đơn Trần Thị Xương phải chịu án phí sơ thẩm dân sự trong vụ hôn nhân gia đình là 200.000đ, khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 036986 ngày 22/03/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Xương đã thực hiện xong.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/06/2016, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

1/

2/

Trương Phước Tự